

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 833/2022/HC-PT

Ngày: 29 - 9 - 2022

V/v Khởi kiện hành vi hành chính về  
cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Khởi kiện hành vi hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 48/2022/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1833/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1/Bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ X5, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/Ông Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bắc X2, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 27-A3 L, ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4/Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện bà K (P), ông H1, bà T, bà H5 là: Ông Vũ Anh T2, sinh năm 1973 (có mặt)*

*Địa chỉ: Số 257/8/6 N, phường T, Quận x7, thành phố Hồ Chí Minh.*

*- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã P (xin xét xử vắng mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

*- Ông Võ Mạnh H3 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường (có mặt);*

*- Ông Phạm Hoàng V1 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường (có mặt);*

*- Bà Đoàn Mai T3 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường (có mặt);*

*- Ông Phạm Doãn N4 - Trưởng phòng nghiệp vụ Trung tâm phát triển quỹ đất (vắng mặt);*

*- Ông Nguyễn Phú H7 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M (vắng mặt).*

*- Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1] Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:**

Khoảng năm 1973, cha mẹ bà Nguyễn Thị T8 là ông Nguyễn Viết T9 và bà Nguyễn Thị R đến lập nghiệp tại ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 1974, ông T9 và bà R khai hoang đất để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (nay là thửa số 228, tờ bản đồ 11, tại Phường M, thị xã P). Năm 1975, bà R đi làm thủ tục kê khai trong sổ Bộ kê khai nộp thuế. Năm 1987, ông T9 và bà R cho con là Bà Nguyễn Thị T8 tiếp tục canh tác, sử dụng ổn định.

Năm 2005, do khó khăn về kinh tế nên bà T8 chuyển nhượng diện tích 8,5 ha (thuộc một phần thửa 228, tờ bản đồ số 11) cho Công ty cổ phần P3 (do ông Đỗ M1 làm chủ).

Năm 2007, Công ty cổ phần P3 chuyển nhượng lại cho các ông/bà: Nguyễn Nam P (Nguyễn Thị K), Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị T, Nguyễn Tiến H1. Cũng trong năm 2007, bà T8 tiếp tục chuyển nhượng hết phần diện tích còn lại của thửa 228, tờ bản đồ số 11 cho bà Phương (Kim); bà H5, bà T và ông H1.

Năm 2018, các ông, bà Nguyễn Nam P (Nguyễn Thị K), Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị T, Nguyễn Tiến H1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị xã P thì không được chấp thuận, vì toàn bộ diện tích đất tại thửa 228, tờ bản đồ số 11 đã bị đưa vào ranh giới Rừng phòng hộ; nên buộc ông, bà phải khởi kiện Ban quản lý rừng phòng hộ để yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/4/2019, Bà Nguyễn Thị T8 đại diện đứng đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân thị xã P, kiện Ban quản lý rừng phòng hộ để yêu cầu công nhận

quyền sử dụng đất. Tại Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P tuyên xử:

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T8.*

*Công nhận diện tích đất 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 (nay là thửa mới số 35 (diện tích 119.182,2m<sup>2</sup>) và một phần của thửa số 27 diện tích 3.397m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 62, tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T8.*

*2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T8 về việc đồng ý chuyển giao quyền sử dụng diện tích đất 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ 62) tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được công nhận nêu trên cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 và ông Nguyễn Tiến H1 được trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà K (Phuong), bà T, bà H5 và ông H1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin được trực tiếp đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.*

*3. Bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 và ông Nguyễn Tiến H1 được quyền trực tiếp liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục nhận tiền bồi thường (nếu có) đối với phần diện tích bị thu hồi của thửa 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ 62) tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.*

Sau khi tòa tuyên án, bản án không bị kháng cáo, kháng nghị vì vậy đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thị xã P và Ban quản lý rừng phòng hộ đã không thi hành Bản án, với lý do không đồng tình với quyết định của bản án nhưng lại không kháng cáo. Bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau đó các ông, bà tiếp tục nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân phường M tiếp nhận hồ sơ, niêm yết công khai và lấy ý kiến nhiều hộ dân sinh sống tại ấp P1. Đến ngày 21/5/2021 Ủy ban nhân dân phường M đã hoàn tất hồ sơ cấp giấy, làm xong ở cấp phường và chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P.

Đến nay, Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn của thị xã P không thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án số 37/2020/DS-ST, ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, đã gây thiệt hại quyền lợi hợp pháp cho bà K (Phuong), bà T, bà H5, ông H1.

Ngày 01/4/2021, Ban quản lý rừng phòng hộ ban hành Văn bản số 159/BQL-QLBVR, gửi Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc tạm thời chưa xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân liên quan đến Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Ngày 23/4/2021, Ủy ban nhân dân thị xã P có Văn bản số 339/UBND-TNMT giải quyết đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P) - người có quyền lợi liên quan theo Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, nêu vấn đề vướng mắc do chưa có quyết định điều chỉnh giảm phần diện tích đất đã giao cho Ban quản lý dự án 595 (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh BR-VT) theo

Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994 ..., đề địa phương xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo quy định.

Ngày 15/3/2021, Ban quản lý rừng phòng hộ mời Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P và các đơn vị liên quan họp với nội dung “*Thông nhất nội dung liên quan để làm cơ sở tái thẩm vụ án Nguyễn Thị T8 theo Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P*”.

Ban quản lý rừng phòng hộ đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao kháng nghị.

Ngày 07/7/2021, Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ra thông báo số 1245/TB-TA về việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm. Tại thông báo này, Tòa án nhân dân Cấp cao kết luận: *“Không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu”*.

Ngày 12/7/2021, Chi cục Thi hành án thị xã P có Văn bản số 379/CCTHADS, không thụ lý đơn yêu cầu thi hành án, lý do “*không thuộc thẩm quyền giải quyết ... không đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 3, Điều 36 Luật thi hành án dân sự*”.

Ngày 17/7/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Văn bản số 8328/UBND-VP gửi Ủy ban nhân dân thị xã P về việc giải quyết đơn kiến nghị của bà Nguyễn Nam P về thi hành Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tại văn bản này, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo *“Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã P khẩn trương tổ chức thực hiện kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4161/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/6/2021 nêu trên; Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/7/2021.”*.

Ngày 18/01/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Văn bản số 592/UBND-VP với nội dung: *“Đối với kiến nghị của Ủy ban nhân dân thị xã P tại Văn bản số 5790/UBND-TNMT, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có ý kiến chỉ đạo do đó “đề nghị địa phương tổ chức thực hiện nội dung Thông báo kết luận số 848/TB-UBND ngày 31/12/2021, trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc, báo cáo về Sở tài nguyên và môi trường để được hướng dẫn thực hiện theo quy định”*.

Ngày 25/01/2022, Sở tài nguyên và môi trường có Văn bản số 556/STNMT-CCQLĐĐ có ý kiến về việc thi hành Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P như sau: *“Đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã P xem xét, giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân theo thẩm quyền và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 848/TB-UBND ngày 31/12/2021.”*.

Hồ sơ cấp giấy ông, bà đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nên ông, bà tiếp tục nộp ngày 06/4/2021, theo quy định thì trong hạn 30 ngày Ủy ban nhân dân thị xã P phải giải quyết hồ sơ cho bà K (Phuong), bà T, bà H5, ông H1.

Thời hạn trả hồ sơ là ngày 21/05/2021, nhưng đến nay đã gần 09 tháng nhưng Ủy ban nhân dân thị xã P không giải quyết.

Các lý do mà Ủy ban nhân dân thị xã P đưa ra là không có căn cứ, bởi vì:

Gia đình bà T8 đã khai phá sử dụng đất ổn định trước khi có Quyết định số 937/QĐ-UBT ngày 07/6/1994 về việc giao đất cho chủ dự án 595 để triển khai xây dựng rừng phòng hộ ven biển L - M theo chương trình 327. Hơn nữa, dự án này không được triển khai trên thực tế, chủ dự án không thực hiện việc thỏa thuận, hướng dẫn các hộ gia đình cá nhân trong việc trồng các loại cây theo quy hoạch của dự án, chủ dự án không tiến hành xác minh thực địa, khoanh vùng, cắm mốc, không bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất.

Văn bản số 329/1998/CV-ĐC ngày 24/02/1998 của Giám đốc Sở địa chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc phối hợp chỉ đạo công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nằm trong Dự án 327, khẳng định : “ *Hộ gia đình, cá nhân có đất đang sử dụng hợp pháp trong vùng dự án vẫn được tiếp tục sử dụng và được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, gia đình bà T8 đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 228 nêu trên.

Việc làm của Ủy ban nhân dân thị xã P là vi phạm pháp luật, vi phạm điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 106 Hiến pháp năm 2013 vì bản án đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Vì vậy, bà K (P), bà H5, bà T và ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết, tuyên xử:

- Hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K (P), bà H5, bà T và ông H1 là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân thị xã P phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P (K), bà H5, bà T và ông H1 diện tích đất 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ 62 tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân thị xã P bồi thường thiệt hại cho các ông, bà trên số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là tiền không được sử dụng để thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

**[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án - Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị xã P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:**

Tại Văn bản số 2078/UBND-TNMT ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ, có ý kiến như sau:

*2.1. Quá trình tổ chức thi hành bản án của Ủy ban nhân dân thị xã P:*

- Ngày 10/12/2020, Tòa án nhân dân thị xã P ban hành Bản án số 37/2020/DS-ST v/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, trong đó một phần nội dung tại Bản án quyết định:

*“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T8:*

*Công nhận diện tích đất 124.791,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 [nay là thửa mới số 35 (diện tích 119.182,2m<sup>2</sup>) và một phần của thửa số 27 (diện tích 3397m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 62] tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T8 (diện tích bao gồm các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 1 thể hiện tại Sơ đồ vị trí do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã P lập ngày 26-10-2020 kèm theo).*

*2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T8 về việc đồng ý chuyển giao quyền sử dụng diện tích đất 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ số 62) tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được công nhận nêu trên cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 và ông Nguyễn Tiến H1 được trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà K (Phương), bà T, bà H5 và ông H1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin được trực tiếp đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai....”.*

- Căn cứ Bản án nêu trên, các hộ dân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án. Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ địa chính thì phần diện tích 124.791,7m<sup>2</sup> mà các hộ dân đề nghị cấp giấy trước đây đã được Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT giao cho Ban quản lý dự án 595 (nay là Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) theo Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994 “v/v giao 4532ha đất tại khu vực L-M, huyện C cho chủ dự án 595 để triển khai xây dựng rừng phòng hộ ven biển L-M theo chương trình 327”. Đồng thời, phần diện tích này nằm trong khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2670/QĐ.UB ngày 11/4/2002 “v/v phê duyệt công trình đầu tư xác định ranh giới cấm mốc các loại rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu” và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 “về việc phê duyệt công trình, xác định ranh giới, cấm mốc thực địa dự án rừng phòng hộ ven biển L-M, huyện T7”.

- Do đó, ngày 23/4/2021 Ủy ban nhân dân thị xã P đã có Văn bản số 344/UBND-TNMT v/v báo cáo khó khăn, vướng mắc và đề xuất hướng giải quyết trong quá trình tổ chức thi hành Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P (gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường). Cùng nội dung kiến nghị trên, ngày 28/12/2021 Ủy ban nhân dân thị xã P tiếp tục có Văn bản số 5790/UBND-TNMT gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Thông báo số 848/TB-UBND về Kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi nghe báo cáo giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị K (P) liên quan đến việc tổ chức thi hành Bản án dân sự số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P.

- Ngày 18/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 592/UBND-VP v/v khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P liên quan đến kiến nghị của bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P). Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau: *Đối với kiến nghị của Ủy ban nhân dân thị xã P tại Văn bản số 5790/UBND-TNMT, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có ý kiến chỉ đạo do đó đề nghị địa phương tổ chức thực hiện nội dung Thông báo kết luận số 848/TB-UBND ngày 31/12/2021, trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc, báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.*

- Ngày 25/01/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 556/STNMT-CCQLĐĐ v/v ý kiến về việc thi hành Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P liên quan đến kiến nghị của bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P). Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau: *Đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã P xem xét, giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân theo thẩm quyền và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 848/TB-UBND ngày 31/12/2021.*

- Bên cạnh đó, liên quan đến Bản án nêu trên qua rà soát hồ sơ liên quan được biết: *Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh BR-VT đã có “Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P”. Ngày 07/7/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 1245/TB-TA về việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm; theo đó, thông báo cho Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được biết không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

Ngày 10/3/2022, Ủy ban nhân dân thị xã P có Văn bản số 846/UBND-TNMT báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh v/v khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông báo kết luận số 848/TB-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến việc tổ chức thi hành Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P. Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có ý kiến chỉ đạo thực hiện.

*2.2. Các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân thị xã P trong quá trình thực hiện bản án:*

Tại Văn bản số 846/UBND-TNMT ngày 10/3/2022, Ủy ban nhân dân thị xã P có báo cáo như sau:

*2.2.1. Các khó khăn, vướng mắc:*

Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, hiện nay địa phương chưa có cơ sở để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận (lần đầu) cho các hộ dân theo Bản án trên với lý do:

- Phần diện tích các hộ dân đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Bản án, trước đây đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao cho Ban quản lý dự án 595 (nay là Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) theo Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994; đồng thời, phần diện tích này nằm trong khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2670/QĐ.UB ngày 11/4/2002 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011.

- Theo hồ sơ địa chính 03 cấp (năm 1997) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P đang quản lý thể hiện đối tượng kê khai đăng ký đối với phần diện tích 124.791,7m<sup>2</sup> mà các hộ dân đề nghị cấp Giấy chứng nhận không thống nhất so với hiện trạng sử dụng đất thực tế. Cụ thể, các thửa đất sau:

- + Một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 11 với diện tích 64,2m<sup>2</sup>, loại đất Hoang bằng, sổ mục kê đăng ký thuộc dự án 5-95;

- + Một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 với diện tích 119.181,6m<sup>2</sup>, loại đất Hoang bằng, sổ mục kê đăng ký thuộc dự án 5-95;

- + Một phần thửa đất số 229, tờ bản đồ số 11 với diện tích 3.325,4m<sup>2</sup>, loại đất Hoang bằng, sổ mục kê đăng ký thuộc dự án 5-95;

- + Thửa đất số 454, tờ bản đồ số 11 với diện tích 285,5m<sup>2</sup>, loại đất thủy lợi, sổ mục kê đăng ký nhà nước quản lý, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- + Phần diện tích 321m<sup>2</sup>, loại đất là đường giao thông, sổ mục kê đăng ký nhà nước quản lý, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- + Phần diện tích 1.614m<sup>2</sup> thuộc Sông Thị Vải, loại đất là Son, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay, theo ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P thì cơ quan đang gặp khó khăn, vướng mắc nên chưa thực hiện được các công việc tiếp theo trong thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho các hộ dân (tại Văn bản số 1782/CNVPĐK-HCTC ngày 12/10/2021). Cụ thể: Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm quy định tại Điều 331 Bộ Luật dân sự năm 2015 chưa có quyết định kháng nghị Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P do đó chưa có cơ sở để ngừng thực hiện Bản án. Tuy nhiên, nếu thực hiện Bản án thì gặp khó khăn do diện tích 124.791,7m<sup>2</sup> chưa chính trừ ra khỏi Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994 và các quyết định khác (Quyết định số 2670/QĐ.UB ngày 11/4/2002, số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011).



### *2.2.2. Kiến nghị, đề xuất:*

Để đảm bảo Bản án đã có hiệu lực được thi hành cũng như công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) cho hộ gia đình, cá nhân được chặt chẽ, đúng quy định pháp luật; Ủy ban nhân dân thị xã P kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giao các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu trong việc xem xét, quyết định điều chỉnh giảm phần diện tích đất trước đây đã giao cho Ban quản lý dự án 595 (nay là Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) theo Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994 và các quyết định khác (Quyết định số 2670/QĐ.UB ngày 11/4/2002, số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011); điều chỉnh hồ sơ địa chính 03 cấp để đảm bảo thống nhất với hiện trạng sử dụng đất thực tế của người dân. Trên cơ sở đó, địa phương sẽ đối chiếu quy định pháp luật để tiếp tục xem xét, giải quyết kiến nghị cho hộ dân theo quy định.

### *2.3. Quan điểm của Ủy ban nhân dân thị xã P đối với nội dung khởi kiện:*

2.3.1. Nội dung buộc Ủy ban nhân dân thị xã P thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 đối với diện tích đất 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường M, thị xã P:

Tại mục 1 và 2 trình bày trên, Ủy ban nhân dân thị xã đang tổ chức thực hiện Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định. Trong quá trình thực hiện còn có một số khó khăn, vướng mắc nên Ủy ban nhân dân thị xã đã có các báo cáo xin ý kiến chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hiện nay Ủy ban nhân dân thị xã đang chờ ý kiến chỉ đạo thực hiện tiếp theo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3.2. Nội dung buộc Ủy ban nhân dân thị xã P bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) do đất của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 đến nay vẫn chưa nhận được tiền đền bù dự án Đường sau Cảng:

#### *a. Liên quan đến dự án Đường sau cảng M - T4:*

Ngày 31/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường sau cảng M - T4, phường M, thị xã P (giai đoạn 1);

Ngày 19/9/2019, Ủy ban nhân dân thị xã P đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm số 3632/KH-UBND để thực hiện dự án: đường sau cảng M - T4, phường M, thị xã P.

Đối với dự án đường sau cảng M - T4, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành các Quyết định: số 2870/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc thu hồi 43.677,4m<sup>2</sup> đất tại

phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân phường M quản lý theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện dự án: Đường sau cảng M - T4, phường M (đợt 1), thị xã P; Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thu hồi đất thực hiện dự án Đường sau cảng M - T4, phường M (đợt 1), thị xã P.

Đối với khu đất bà Nguyễn Thị K đang sử dụng đã được kiểm đếm cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Biên bản kiểm đếm ngày 10/10/2019 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã P. Trong đó ghi nhận: bà Nguyễn Thị K (không nằm trong hợp đồng khoán) có mặt nước nuôi tôm cá quảng canh cải tiến, diện tích 6.169,6m<sup>2</sup> và diện tích ảnh hưởng 5.886,8m<sup>2</sup>. Sau khi Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P có hiệu lực, Ủy ban nhân dân thị xã chưa ban hành Thông báo thu hồi đất cho cá nhân bà Nguyễn Thị K, do đó chưa có cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Đến nay UBND cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị K.

*b. Liên quan đến việc bàn giao mặt bằng để thi công công trình:*

Tại Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 15/10/2019, tham dự có đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, Công chức địa chính xây dựng phường M, đại diện Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã P, đại diện chủ đầu tư dự án và bà Nguyễn Thị K. Tại buổi làm việc đã thống nhất nội dung như sau: “ Sau khi làm việc, bà Nguyễn Thị K đồng ý bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án Giao thông khu vực cảng C - T4 thi công công trình đường sau cảng M - T4 trước khi Ủy ban nhân dân thị xã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường”. Như vậy, bà Nguyễn Thị K đã tự nguyện bàn giao mặt bằng cho đơn vị chủ đầu tư trước khi UBND cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

*c. Quan điểm của Ủy ban nhân dân thị xã P:*

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 69 khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 và Điều 8 Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vì hiện nay UBND cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ. Do đó, cơ quan chức năng chưa có cơ sở chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

Do đó, đơn khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thị xã P bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng) do đất của bà K, ông H1, bà T, bà H5 đến nay vẫn chưa nhận được tiền đền bù dự án Đường sau Cảng là không có căn cứ, không có cơ sở để xác định thiệt hại do chưa có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ. Khi UBND cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thì cơ quan chức năng sẽ tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu

hồi theo đúng quy định tại Điều 8 Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Từ những căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân thị xã nhận thấy nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 là không có căn cứ. Ủy ban nhân dân thị xã P có ý kiến với nội dung như trên và đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:*

1. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện, về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã P bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là tiền không được sử dụng để thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5:

- Tuyên bố hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 là trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 theo quy định pháp luật đối với diện tích đất khoảng 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ 62 tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2022 người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên lời trình bày đã nêu trong các văn bản trình bày ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện, vì thực tế là Ủy ban nhân dân đang làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các người khởi kiện chứ không phải là không làm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án, bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người bị kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, đã có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 và ông Nguyễn Tiến H1 đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ 62) tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng chưa được Ủy ban nhân dân thị xã P giải quyết. Do vậy, người khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Ủy ban nhân dân thị xã P là trái quy định pháp luật, và buộc người bị kiện thực hiện nhiệm vụ công vụ, bồi thường thiệt hại với số tiền 1.000.000.000 đồng.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Nguồn gốc phần diện tích đất khoảng diện tích đất 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ 62 tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được gia đình bà T8 sử dụng (sau đó chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 sử dụng) là trước quy hoạch sử dụng đất rừng, đất lâm nghiệp

[3.2] Tại Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P đang có hiệu lực pháp luật đã nhận định:

Thửa đất số 228 (nay là thửa 35) tờ bản đồ số 11 và một phần thửa số 27, tờ bản đồ số 62 tại phường M, thị xã P được gia đình bà T8 khai phá, sử dụng ổn định liên tục từ trước năm 1975 đến nay; đã nộp đầy đủ thuế nông nghiệp cho Nhà nước. Trong quá trình sử dụng đất nhà nước không có quyết định thu hồi, bồi thường và hiện nay không nằm trong hợp đồng giao khoán với Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy trường hợp của bà T8 đủ điều kiện để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó cần công nhận diện tích

đất 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 228, tờ bản đồ số 11 (nay là thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ số 62 tại phường M, thị xã P là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T8. Theo đó, Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T8. Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 106 Hiến pháp năm 2013; Điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành. Do bà T8 đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên hành vi của Ủy ban nhân dân thị xã P không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện (là những người nhận chuyển nhượng đất từ bà T8) là không đúng quy định pháp luật.

[3.3] Người bị kiện cho rằng diện tích đất trên mà các hộ dân đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án, trước đây đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã giao cho Ban quản lý dự án 595 (nay là Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) theo Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994; đồng thời, phần diện tích này nằm trong khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2670/QĐ-UB ngày 11/4/2002 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011; Nên Ủy ban nhân dân thị xã P kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu trong việc xem xét, quyết định điều chỉnh giảm phần diện tích đất trước đây đã giao cho Ban quản lý dự án 595 (nay là Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) theo Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994 và Quyết định số 2670/QĐ-UB ngày 11/4/2002, Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011); điều chỉnh hồ sơ địa chính 03 cấp để đảm bảo thống nhất với hiện trạng sử dụng đất thực tế của người dân.

Xét thấy, lý do của của Ủy ban nhân dân thị xã P đưa ra là không có căn cứ pháp luật, bởi vì:

- Việc sử dụng đất của các hộ dân khởi kiện có nguồn gốc từ trước năm 1975, sử dụng ổn định, không vi phạm pháp luật đất đai. Các Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994; Quyết định số 2670/QĐ-UB ngày 11/4/2002 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đều ban hành sau thời gian các hộ dân đang sử dụng đất thời gian rất lâu.

Đồng thời khi ban hành các quyết định trên Ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan không kiểm tra thực tế đất của dân đang sử dụng, tài sản hợp pháp trên đất để bồi thường, hỗ trợ theo pháp luật; không cắm ranh trên thực địa để người dân xác định có quy hoạch đất rừng, đất lâm nghiệp, người dân không biết các quyết định trên để thực hiện.

Khi Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định số 973 giao đất cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, thì Luật đất đai năm 1993 đang có hiệu lực, Điều 21 đã quy định: “*Việc quyết định giao đất đang có*

*người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó.”. Nhưng Ủy ban nhân dân các cấp không kiểm kê đất đai tài sản, không có quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng đất là vi phạm Điều 21 Luật đất đai năm 1993.*

- Về việc cần điều chỉnh giảm phần diện tích đất trước đây đã giao cho Ban quản lý dự án 595 (nay là Ban Quản lý Rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) theo Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994 và các quyết định khác (Quyết định số 2670/QĐ.UB ngày 11/4/2002, Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011); điều chỉnh hồ sơ địa chính 03 cấp để đảm bảo thống nhất với hiện trạng sử dụng đất thực tế của người dân, thì nội dung này đã được Bản án số 37/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết xong, đã xác định 124.791,7m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T8. Mặt khác, theo văn bản số 329/1998/CV-ĐC ngày 24/02/1998 của Sở địa chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì gia đình bà T8 đủ điều kiện để được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo hướng dẫn của Sở địa chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xác định hành vi của Ủy ban nhân dân thị xã P là trái pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại với 1.000.000.000 đồng, do những người khởi kiện đã có đơn xin rút yêu cầu này, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân thị xã P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người có kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thị xã P phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

I/Bác yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HC-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện, về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã P bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là tiền không được sử dụng để thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5:

- Tuyên bố hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 là trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị K (Nguyễn Nam P), ông Nguyễn Tiến H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H5 theo quy định pháp luật đối với diện tích đất khoảng 124.791,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 11 (thửa mới số 35) và một phần của thửa số 27, tờ bản đồ 62 tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thị xã P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000298 ngày 22/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (4);
- NBK (1);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**

